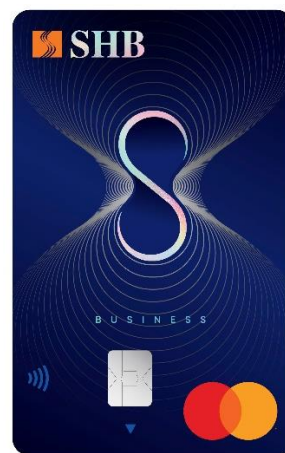


BIỂU PHÍ, LÃI SUẤT VÀ HẠN MỨC GIAO DỊCH THẺ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP SHB MASTERCARD BUSINESS PLATINUM



I. BIỂU PHÍ VÀ LÃI SUẤT

STT	Loại phí	Đơn vị	Mức phí
1	Phí phát hành	Thẻ	Miễn phí
2	Phí phát hành thẻ nhanh	Thẻ	200.000 VNĐ
3	Phí thường niên	Thẻ	900.000 VNĐ
4	Phí thay thế thẻ	Lần	100.000 VNĐ
5	Phí gia hạn thẻ	Lần	Miễn phí
6	Phí cấp ePIN	Lần	Miễn phí
7	Phí chậm thanh toán	Kỳ	4% số tiền thanh toán chậm, tối thiểu 150.000 VNĐ
8	Phí cấp bản sao hóa đơn GD trên POS	Lần	100.000 VNĐ
9	Phí tra soát khiếu nại sai	Giao dịch	100.000 VNĐ
10	Phí vượt hạn mức/thay đổi hạn mức	Lần	Miễn phí
11	Phí xác nhận hạn mức	Lần	Miễn phí
12	Phí thay đổi tài sản đảm bảo	Lần	Miễn phí
13	Phí cung cấp lại bản sao sao kê	Lần	Miễn phí
14	Phí thông báo giao dịch qua SMS (*)	Tháng	22.000 VNĐ
15	Phí giao dịch thẻ		
-	Rút tiền mặt (ATM, POS)	Lần	2% số tiền giao dịch, tối thiểu 100.000 VNĐ
-	Tra cứu giao dịch tại ATM SHB	Lần	Miễn phí
16	Phí quản lý giao dịch bằng ngoại tệ	Giao dịch	1,79% số tiền quy đổi
17	Phí quản lý giao dịch VNĐ tại nước ngoài	Giao dịch	0,8% số tiền quy đổi
18	Phí thông báo thất lạc, mất cắp	Lần	200.000 VNĐ
19	Phí đóng thẻ dưới 01 năm	Thẻ	Miễn phí
20	Phí dịch vụ khác (**)	Lần	100.000 VNĐ

21	Lãi suất trong hạn	Năm	25%
22	Lãi suất quá hạn	Năm	150% x Lãi suất trong hạn

Lưu ý:

- Mức phí trên đã bao gồm VAT (10%).
- Phí thông báo giao dịch qua SMS (*): Phí tính trên 01 số điện thoại KH đăng ký và được điều chỉnh theo quy định của SHB trong từng thời kỳ.
- Phí dịch vụ khác (**): Là các dịch vụ khác liên quan đến thẻ tín dụng doanh nghiệp theo yêu cầu cụ thể của Khách hàng và ngoại trừ các dịch vụ đã nêu tại Biểu phí trên.
- Biểu phí trên có thể thay đổi theo quy định của SHB trong từng thời kỳ và được thông báo công khai trên website: www.shb.com.vn

II. HẠN MỨC GIAO DỊCH

STT	Hạn mức	Giá trị	Ghi chú
1	Tổng hạn mức rút tiền mặt (theo tài khoản)	100% Hạn mức thẻ tín dụng được cấp	Số tiền có thể rút nằm trong hạn mức khả dụng của mỗi thẻ.
2	Hạn mức rút tiền mặt/tháng (theo tài khoản)	100.000.000 VNĐ	Hạn mức này được áp dụng với các thẻ tín dụng thuộc cùng 1 thương hiệu thẻ của 1 chủ thẻ.
3	Hạn mức rút tiền mặt/ngày (theo tài khoản)	100.000.000 VNĐ 20 lần	
4	Hạn mức rút tiền mặt tại nước ngoài/ngày (theo thẻ)	30.000.000 VNĐ	Số tiền quy đổi VNĐ.
5	Hạn mức rút tiền mặt/lần (theo tài khoản)	25.000.000 VNĐ	Chỉ áp dụng trên ATM có hỗ trợ khả năng chi trả này.
6	Hạn mức thanh toán hàng hóa, dịch vụ qua phương tiện điện tử/trực tuyến/ngày (theo thẻ)	100.000.000 VNĐ	
7	Hạn mức thanh toán tại EDC/POS/ngày (theo thẻ)	500.000.000 VNĐ	

Lưu ý:

- Để đảm bảo các giao dịch thẻ được thông suốt, khách hàng cần cập nhật thông tin sinh trắc học theo quy định của pháp luật.

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHB)